SENSE OF BELONGING IN UNIVERSITY CLASSROOMS: CONCEPT, DIMENSIONS, AND PEDAGOGICAL IMPLICATIONS

Lu Quoc Vinh[1], Nguyen Ngoc Chi Lan*[2]

* Corresponding author
Email: nnclan@ctump.edu.vn

[1] Email: lqvinh@ctu.edu.vn
Can Tho University
3/2 road, Ninh Kieu ward, Can Tho City, Vietnam
[2] Can Tho University of Medicine and Pharmacy
179 Nguyen Van Cu street, Tan An ward,
Can Tho City, Vietnam

Received: 19/6/2026
Revised: 22/7/2026
Accepted: 20/8/2026
Published: 20/10/2026

Abstract: In the context of Vietnamese higher education reform oriented toward competency development, credit-based training, blended learning, and digital transformation, the quality of students' learning experience depends not only on learning tasks, teaching methods, feedback, or technology, but also on students' perceptions of their position within the classroom community. This article uses a theoretical research approach, combining conceptual analysis and selective literature synthesis, to clarify the concept of sense of belonging in university classrooms. The findings show that sense of belonging constitutes a socio-psychological condition for quality learning experience, rather than merely an individual emotional state or an indicator of academic-social integration. The article identifies four dimensions of sense of belonging: Academic, relational, emotional, and learning community; thereby providing a theoretical basis for constructing university classrooms as connected and supportive learning communities that encourage students' meaningful participation.

Keywords: *Sense of belonging, university classroom, learning experience, university students, pedagogical implications.*

CẢM GIÁC THUỘC VỀ TRONG LỚP HỌC ĐẠI HỌC: KHÁI NIỆM, CÁC BÌNH DIỆN VÀ HÀM Ý SƯ PHẠM

Lữ Quốc Vinh[1], Nguyễn Ngọc Chi Lan*[2]

* Tác giả liên hệ
Email: nnclan@ctump.edu.vn

[1] Email: lqvinh@ctu.edu.vn
Đại học Cần Thơ
Đường 3/2, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
[2] Trường Đại học Y Dược Cần Thơ
179 Nguyễn Văn Cừ, phường Tân An,
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Nhận bài: 19/6/2026
Chỉnh sửa xong: 22/7/2026
Chấp nhận đăng: 20/8/2026
Xuất bản: 20/10/2026

Tóm tắt: Trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam đổi mới theo định hướng phát triển năng lực, học chế tín chỉ, học tập kết hợp và chuyển đổi số, chất lượng trải nghiệm học tập của sinh viên không chỉ phụ thuộc vào nhiệm vụ, phương pháp, phản hồi hay công nghệ, mà còn gắn với cảm nhận về vị trí trong cộng đồng lớp học. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu lí luận, kết hợp phân tích khái niệm và tổng hợp tài liệu có chọn lọc nhằm làm rõ cảm giác thuộc về trong lớp học đại học. Kết quả cho thấy, cảm giác thuộc về là điều kiện tâm lí - xã hội của trải nghiệm học tập có chất lượng, thay vì chỉ là trạng thái cảm xúc cá nhân hay chỉ báo hòa nhập học thuật - xã hội. Bài viết xác định bốn bình diện: Học thuật, quan hệ, cảm xúc và cộng đồng học tập; qua đó cung cấp cơ sở lí luận cho việc xây dựng lớp học đại học như một cộng đồng học tập kết nối, hỗ trợ và khuyến khích sinh viên tham gia có ý nghĩa.

Từ khóa: *Cảm giác thuộc về, lớp học đại học, trải nghiệm học tập, sinh viên đại học, hàm ý sư phạm.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam chuyển dịch theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học, chất lượng đào tạo không chỉ được nhìn nhận qua chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo hay kết quả học tập cuối cùng mà còn qua chất lượng trải nghiệm học tập của sinh viên trong quá trình tham gia lớp học. Học chế tín chỉ, học tập kết hợp, học tập số và yêu cầu học tập suốt đời đặt sinh viên trước yêu cầu chủ động hơn trong học tập, tương tác, hợp tác, phản tư và tự chịu trách nhiệm đối với quá trình học tập của bản thân. Tuy nhiên, sự chủ động của sinh viên không chỉ phụ thuộc vào nhiệm vụ học tập, phương pháp giảng dạy, học liệu hay công nghệ hỗ trợ, mà còn gắn với cảm nhận của người học về vị trí, sự thừa nhận và mức độ an toàn khi tham gia vào

cộng đồng lớp học. Một lớp học có mục tiêu rõ ràng, học liệu đầy đủ và nền tảng công nghệ thuận lợi vẫn khó tạo ra trải nghiệm học tập có chất lượng nếu sinh viên cảm thấy xa lạ, ít được ghi nhận, không dám phát biểu hoặc không nhận thấy sự đóng góp của mình có ý nghĩa. Vấn đề này càng đáng chú ý trong học tập số và học tập kết hợp, khi sự hiện diện của sinh viên trên hệ thống quản lí học tập hoặc nền tảng trực tuyến không đồng nghĩa với việc các em cảm thấy mình thuộc về một cộng đồng học tập có ý nghĩa (Garrison và cộng sự, 2000; Peacock & Cowan, 2019).

Cảm giác thuộc về (Sense of belonging) là khái niệm có nền tảng trong tâm lí học xã hội và khoa học giáo dục, thường được sử dụng để lí giải sự hòa nhập học thuật - xã hội, duy trì học tập, gắn kết, sức khỏe tinh thần và thành công học tập của sinh viên trong giáo dục đại học (Baumeister & Leary, 1995; Goodenow, 1993; Hurtado & Carter, 1997; Tinto, 1975; Thomas, 2012). Các nghiên cứu gần đây cho thấy cảm giác thuộc về là một cấu trúc đa chiều, liên quan đến học thuật, quan hệ xã hội, bản sắc cá nhân, sự thừa nhận, môi trường học tập và các điều kiện hỗ trợ thành công học tập (Ahn & Davis, 2020; Strayhorn, 2019; Dias-Broens và cộng sự, 2024; Allen và cộng sự, 2024; Gilani & Thomas, 2025). Tại Việt Nam, một số nghiên cứu đã đề cập đến những yếu tố gần với cảm giác thuộc về như kết nối xã hội, thái độ học tập, động lực học tập, thích ứng tâm lí - xã hội, trải nghiệm học tập trực tuyến và hiệu suất học tập của sinh viên. Các nghiên cứu này cho thấy, môi trường học tập, sự hỗ trợ của giảng viên, hành vi của bạn học, cảm giác được công nhận và việc thiết lập cộng đồng học tập có ý nghĩa đối với sự tham gia, duy trì động lực và tiếp tục học tập của sinh viên (Hoàng Thị Mỹ Nga & Nguyễn Tuấn Kiệt, 2016; Nguyễn Ngọc Hiền & Nguyễn Thị Hạnh Uyên, 2022; Hoàng Trung Học và cộng sự, 2025; Nguyễn Vũ Trâm Anh và cộng sự, 2025). Tuy nhiên, trong nghiên cứu giáo dục đại học Việt Nam, các biểu hiện liên quan đến cảm giác thuộc về thường được tiếp cận gián tiếp qua những khái niệm gần, thay vì được xem xét như một khái niệm lí luận tương đối độc lập. Sự phân tán về thuật ngữ và hướng tiếp cận khiến nội hàm, ranh giới với các khái niệm liên quan và các bình diện cấu thành của cảm giác thuộc về chưa được hệ thống hóa rõ; do đó, khái niệm này chưa được nhận diện và phát triển tương xứng trong nghiên cứu giáo dục đại học Việt Nam, mặc dù nền tảng nghiên cứu quốc tế về chủ đề đã tương đối phong phú. Khoảng trống này càng thể hiện ở cấp độ lớp học. Trong nhiều công trình quốc tế được tổng thuật, cảm giác thuộc về được xem xét ở cấp độ nhà trường, khuôn viên đại học, sự hòa nhập vào đời sống đại học, duy trì học tập hoặc thành công của sinh viên, trong khi lớp học đại học với tư cách là không gian sư phạm trực tiếp chưa được quan tâm tương xứng. Vì vậy, cảm giác thuộc về trong lớp học đại học cần được làm rõ như một khái niệm có nội hàm và các bình diện riêng, đồng thời được xem xét trong mối quan hệ với trải nghiệm học tập của sinh viên. Khái niệm này cần được phân biệt với sự gắn kết học tập: Nếu gắn kết học tập phản ánh mức độ sinh viên tham gia vào quá trình học tập trên các bình diện hành vi, cảm xúc và nhận thức, thì cảm giác thuộc về nhấn mạnh nền tảng quan hệ, cảm xúc và cộng đồng giúp sinh viên cảm thấy an toàn, được thừa nhận và có vị trí để tham gia vào lớp học (Kahu & Nelson, 2018; Strayhorn, 2019; Ahn & Davis, 2020).

Trên cơ sở đó, bài viết hướng tới ba mục tiêu: 1) Làm rõ nội hàm và các bình diện của cảm giác thuộc về trong lớp học đại học; 2) Phân tích cảm giác thuộc về như một điều kiện tâm lí - xã hội của trải nghiệm học tập có chất lượng; 3) Đề xuất hàm ý sư phạm nhằm xây dựng lớp học đại học có tính thuộc về. Tương ứng với các mục tiêu này, bài viết tập trung trả lời ba câu hỏi nghiên cứu: 1) Cảm giác thuộc về trong lớp học đại học cần được hiểu như thế nào? 2) Vì sao cảm giác thuộc về có thể được xem là một điều kiện của trải nghiệm học tập có chất lượng? 3) Những hàm ý sư phạm nào có thể được rút ra nhằm xây dựng cảm giác thuộc về trong lớp học đại học? Đóng góp của bài viết nằm ở việc tái định vị cảm giác thuộc về như một điều kiện tâm lí - xã hội của trải nghiệm học tập có chất lượng ở cấp độ lớp học đại học, thay vì chỉ xem đây là trạng thái cảm xúc cá nhân, chỉ báo hòa nhập học thuật - xã hội hoặc hệ quả của sự gắn kết học tập. Với cách tiếp cận này, cảm giác thuộc về được phân tích như một cấu trúc sư phạm gắn với vị trí học thuật của sinh viên, quan hệ trong lớp học, an toàn cảm xúc và sự tham gia vào cộng đồng học tập. Cách tiếp cận này góp phần làm rõ một bình diện còn ít được phân tích trong các nghiên cứu về chất lượng dạy học, trải nghiệm học tập và gắn kết học tập trong giáo dục đại học Việt Nam; đồng thời cung cấp cơ sở lí luận cho việc thiết kế lớp học như một cộng đồng học tập có tính kết nối, hỗ trợ và khuyến khích sự tham gia có ý nghĩa của sinh viên.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết được thực hiện theo hướng nghiên cứu

 https://doi.org/10.15625/2615-8957/1261003

lí luận, kết hợp phân tích khái niệm và tổng hợp tài liệu có chọn lọc nhằm làm rõ nội hàm, các bình diện và ý nghĩa sư phạm của cảm giác thuộc về trong lớp học đại học. Phân tích khái niệm được sử dụng để nhận diện các thuộc tính cốt lõi, phạm vi ý nghĩa và ranh giới của khái niệm này so với các khái niệm gần như gắn kết học tập, hòa nhập học thuật - xã hội và kết nối xã hội (Rodgers, 2000; Walker & Avant, 2019). Tổng hợp tài liệu có chọn lọc được sử dụng để tích hợp các luận điểm từ những công trình đã công bố, qua đó phát triển lập luận về cảm giác thuộc về như một điều kiện tâm lí - xã hội của trải nghiệm học tập có chất lượng ở cấp độ lớp học đại học (Torraco, 2005; Snyder, 2019). Do bài viết không nhằm khảo sát thực trạng, kiểm định mô hình hay hệ thống hóa toàn bộ công bố về chủ đề, nghiên cứu này không được thiết kế như một tổng quan hệ thống.

Nguồn tư liệu là các tài liệu thứ cấp, gồm sách chuyên khảo, bài báo khoa học, nghiên cứu tổng quan, công trình lí luận nền tảng và một số nghiên cứu trong nước liên quan đến sinh viên đại học, cảm giác thuộc về, kết nối xã hội, môi trường học tập, gắn kết học tập và trải nghiệm học tập. Tài liệu được tra cứu từ Scopus, Web of Science, Google Scholar, một số tạp chí khoa học giáo dục trong nước và danh mục tài liệu tham khảo của các công trình có liên quan trực tiếp. Các từ khóa tìm kiếm chủ yếu gồm: "Sense of belonging", "Student belonging", "Classroom belonging", "University classroom", "Higher education", "Learning experience", "Classroom climate", "Student engagement", "Social integration", "Cảm giác thuộc về", "Trải nghiệm học tập", "Gắn kết học tập", "Kết nối xã hội", "Lớp học đại học" và "Sinh viên đại học". Tài liệu được lựa chọn theo bốn tiêu chí: 1) Liên quan trực tiếp đến cảm giác thuộc về trong giáo dục hoặc giáo dục đại học; 2) Làm rõ mối quan hệ giữa cảm giác thuộc về với trải nghiệm học tập, gắn kết học tập, duy trì học tập, sức khỏe tinh thần hoặc thành công học tập của sinh viên; 3) Có giá trị nền tảng hoặc tính cập nhật đối với việc xây dựng khung khái niệm; 4) Hỗ trợ việc rút ra hàm ý sư phạm ở cấp độ lớp học đại học. Các tài liệu không đáp ứng mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu, trùng lặp nội dung, thiếu thông tin học thuật cần thiết hoặc chỉ đề cập cảm giác thuộc về ngoài bối cảnh giáo dục mà không có giá trị đối chiếu trực tiếp không được đưa vào phân tích sâu.

Quá trình xử lí tài liệu được triển khai qua bốn bước. Bước 1 là sàng lọc tài liệu: Các tài liệu liên quan đến cảm giác thuộc về, giáo dục đại học, lớp học đại học và trải nghiệm học tập được đọc lướt tiêu đề, tóm tắt, từ khóa và kết luận nhằm xác định mức độ phù hợp với mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu. Bước 2 là trích xuất nội dung: Các tài liệu phù hợp được đọc sâu để trích xuất các nội dung chính, gồm định nghĩa cảm giác thuộc về, cấp độ phân tích, yếu tố cấu thành, biểu hiện trong lớp học, mối liên hệ với gắn kết học tập, hòa nhập học thuật - xã hội, trải nghiệm học tập và thành công học tập của sinh viên. Bước 3 là phân tích và nhóm nội dung: Ma trận phân tích trên Microsoft Excel được sử dụng để tổ chức và đối chiếu tài liệu theo các nhóm thông tin gồm định nghĩa khái niệm, cấp độ phân tích, bình diện, biểu hiện, kết quả liên quan và hàm ý sư phạm. Những điểm tương đồng và khác biệt giữa các nguồn được so sánh, quy nạp thành các cụm ý nghĩa, sau đó đối chiếu trở lại với tài liệu gốc qua nhiều lần đọc nhằm bảo đảm tính nhất quán và hạn chế diễn giải tách khỏi bối cảnh. Bước 4 là tổng hợp và phát triển lập luận lí luận: Các cụm nội dung được đối chiếu, tổng hợp và phát triển thành khung phân tích cảm giác thuộc về trong lớp học đại học.

Để tăng độ tin cậy của lập luận, bài viết sử dụng nguyên tắc đối chiếu nguồn và nhất quán khái niệm, kết hợp giữa công trình lí luận nền tảng, nghiên cứu thực nghiệm quốc tế, nghiên cứu tổng quan và một số nghiên cứu trong nước liên quan đến bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam. Do đặc điểm của nghiên cứu lí luận, bài viết không nhằm đưa ra kết luận nhân quả hay khái quát thống kê mà hướng tới phát triển khung phân tích có cơ sở học thuật, từ đó gợi mở các định hướng sư phạm và nghiên cứu tiếp theo.

Trong quá trình biên tập bản thảo, công cụ trí tuệ nhân tạo chỉ được sử dụng để hỗ trợ rà soát diễn đạt, tính mạch lạc và chuẩn hóa ngôn ngữ học thuật. Toàn bộ ý tưởng nghiên cứu, lựa chọn tài liệu, phân tích nội dung, xây dựng luận điểm và kết luận khoa học do tác giả thực hiện và chịu trách nhiệm.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Cảm giác thuộc về trong lớp học đại học: Khái niệm và bối cảnh Việt Nam

Từ các tiếp cận lí luận về cảm giác thuộc về trong giáo dục, có thể thấy khái niệm này không chỉ phản ánh cảm xúc tích cực của người học, mà còn gắn với cảm nhận về sự chấp nhận, tôn trọng, hòa nhập, hỗ trợ và vị trí của người học trong môi trường giáo dục. Trong bài viết này, *cảm giác thuộc về trong lớp học đại học được hiểu là cảm nhận của sinh viên về việc mình được chấp nhận, tôn trọng, kết nối, hỗ trợ và có vị trí có ý nghĩa trong cộng đồng học tập, được hình thành thông qua tương tác với giảng viên, bạn học, nhiệm vụ học tập và*

môi trường lớp học. Cách hiểu này kế thừa các tiếp cận nền tảng về cảm giác thuộc về của người học, đồng thời nhấn mạnh cấp độ lớp học như không gian sư phạm trực tiếp nơi sinh viên trải nghiệm sự tham gia, tương tác và thừa nhận học thuật (Goodenow, 1993; Hurtado & Carter, 1997; Thomas, 2012; Strayhorn, 2019; Ahn & Davis, 2020).

Cách hiểu này có ý nghĩa trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam hiện nay. Học chế tín chỉ làm cho thành phần lớp học thay đổi theo từng học phần, thời gian gắn bó giữa sinh viên với giảng viên và bạn học thường ngắn hơn, nên cộng đồng lớp học có thể khó hình thành tự nhiên. Trong nhiều bối cảnh lớp học đại học, sĩ số lớp còn tương đối đông, tương tác giảng viên - sinh viên chưa thật sự sâu, trong khi một bộ phận sinh viên có thể còn tâm lí ngại phát biểu, ngại sai hoặc chưa quen với đối thoại học thuật. Trong học tập kết hợp và chuyển đổi số, việc sinh viên đăng nhập, xem học liệu hoặc nộp bài trực tuyến không đồng nghĩa với việc các em cảm thấy mình thuộc về một cộng đồng học tập. Nếu thiếu tương tác có ý nghĩa, phản hồi kịp thời và cảm giác được công nhận thì sinh viên vẫn có thể rơi vào trạng thái hiện diện hình thức hoặc rời rạc. Các nghiên cứu về môi trường học tập trực tuyến cho thấy sự hiện diện xã hội, tương tác học thuật và cảm giác kết nối với cộng đồng học tập có ý nghĩa quan trọng đối với sự tham gia của người học (Garrison và cộng sự, 2000; Peacock & Cowan, 2019). Một số nghiên cứu trong nước cho thấy môi trường học tập, tương tác học thuật, sự hỗ trợ của giảng viên, hành vi của bạn học và cảm giác được công nhận có liên quan đến cách sinh viên tham gia, duy trì động lực và tiếp tục học tập ở bậc Đại học (Hoàng Thị Mỹ Nga & Nguyễn Tuấn Kiệt, 2016; Nguyễn Ngọc Hiền & Nguyễn Thị Hạnh Uyên, 2022; Hoàng Trung Học và cộng sự, 2025; Nguyễn Vũ Trâm Anh và cộng sự, 2025). Các nghiên cứu trong nước cho thấy niềm tin và sự hỗ trợ của giảng viên, cùng với tương tác và hợp tác giữa sinh viên, có tác động tích cực đến sự hài lòng, mức độ tham gia và sự sẵn sàng giao tiếp trong học tập (Phạm Thị Huyền và cộng sự, 2025; Nguyễn Thị Nguyệt Minh & Vũ Xuân Trường, 2025). Những kết quả này góp phần làm rõ vai trò của các mối quan hệ trong lớp học đối với sự tham gia học tập, dù chưa trực tiếp tiếp cận dưới khái niệm cảm giác thuộc về. Vì vậy, cảm giác thuộc về trong lớp học đại học Việt Nam cần được xem là một vấn đề sư phạm đáng quan tâm, không chỉ là trạng thái cảm xúc cá nhân của sinh viên.

Cảm giác thuộc về cần được phân biệt với một số khái niệm gần. Trước hết, khái niệm này không đồng nhất với sự hài lòng của sinh viên. Sự hài lòng thường phản ánh đánh giá tích cực đối với dịch vụ, điều kiện học tập hoặc kết quả nhận được, trong khi cảm giác thuộc về nhấn mạnh vị trí, sự kết nối và sự thừa nhận của sinh viên trong cộng đồng lớp học (Thomas, 2012; Strayhorn, 2019). Thứ hai, cảm giác thuộc về không chỉ là kết nối xã hội. Kết nối xã hội là một thành tố quan trọng nhưng cảm giác thuộc về còn bao hàm cảm nhận về năng lực tham gia, sự thừa nhận học thuật và vị trí của sinh viên trong hoạt động học tập (Goodenow, 1993; Hurtado & Carter, 1997; Ahn & Davis, 2020). Thứ ba, cảm giác thuộc về có liên quan nhưng không đồng nhất với gắn kết học tập. Nếu gắn kết học tập phản ánh mức độ sinh viên tham gia về hành vi, cảm xúc và nhận thức vào quá trình học, thì cảm giác thuộc về phản ánh nền tảng quan hệ, cảm xúc và cộng đồng giúp sự tham gia đó trở nên an toàn, có ý nghĩa và bền vững hơn (Kahu & Nelson, 2018; Strayhorn, 2019; Ahn & Davis, 2020). Theo cách tiếp cận này, gắn kết học tập thiên về biểu hiện tham gia của người học, còn cảm giác thuộc về nhấn mạnh điều kiện tâm lí - xã hội làm cho sự tham gia ấy có thể hình thành và duy trì.

3.2. Cấu trúc đa bình diện của cảm giác thuộc về trong lớp học đại học

Cảm giác thuộc về trong lớp học đại học là một cấu trúc đa bình diện, phản ánh đồng thời quan hệ học thuật, quan hệ sư phạm - xã hội, cảm xúc học tập và ý thức cộng đồng của sinh viên. Nếu chỉ xem cảm giác thuộc về như sự thân thiện hoặc quan hệ bạn bè trong lớp, khái niệm này dễ bị giản lược thành kết nối xã hội thông thường. Trên cơ sở tổng hợp các tiếp cận về cảm giác thuộc về trong giáo dục đại học, đồng thời đối chiếu với đặc trưng của lớp học như một không gian sư phạm trực tiếp, bài viết phân tích cảm giác thuộc về trong lớp học đại học qua bốn bình diện: thuộc về học thuật, thuộc về quan hệ, thuộc về cảm xúc và thuộc về cộng đồng học tập (Goodenow, 1993; Hurtado & Carter, 1997; Thomas, 2012; Strayhorn, 2019; Ahn & Davis, 2020; Kahu & Nelson, 2018). Việc xác định bốn bình diện này không nhằm đề xuất một thang đo cố định, mà được xây dựng theo hướng quy nạp các thuộc tính thường gặp trong tài liệu và quy chiếu vào bối cảnh lớp học đại học, nơi sinh viên tham gia vào nhiệm vụ học thuật, tương tác với giảng viên và bạn học, trải nghiệm cảm xúc trong quá trình học tập, đồng thời chia sẻ mục tiêu và trách nhiệm trong cộng đồng lớp học.

 https://doi.org/10.15625/2615-8957/1261003

Bảng 1: *Các bình diện của cảm giác thuộc về trong lớp học đại học*

Bình diện	Nội hàm	Biểu hiện ở sinh viên	Điều kiện sư phạm liên quan
Thuộc về học thuật	Sinh viên cảm thấy mình có năng lực, có vị trí và có khả năng tham gia vào hoạt động học thuật của lớp học.	Dám đặt câu hỏi, phát biểu ý kiến, tham gia thảo luận, trình bày quan điểm và nhận thấy nhiệm vụ học tập có ý nghĩa.	Nhiệm vụ học tập rõ ràng, tiêu chí đánh giá minh bạch, phản hồi mang tính nâng đỡ, giảng viên tạo cơ hội cho nhiều hình thức tham gia.
Thuộc về quan hệ	Sinh viên cảm thấy được giảng viên và bạn học chấp nhận, tôn trọng và lắng nghe.	Có kết nối với giảng viên và bạn học, được hỗ trợ khi gặp khó khăn, không cảm thấy bị cô lập trong lớp học.	Quan hệ giảng viên - sinh viên tích cực, tương tác bạn học có ý nghĩa, học tập hợp tác và hỗ trợ đồng đẳng.
Thuộc về cảm xúc	Sinh viên cảm thấy an toàn, thoải mái và được ghi nhận trong quá trình học tập.	Ít sợ sai, có hứng thú học tập, cảm thấy lớp học thân thiện và nỗ lực cá nhân được công nhận.	Văn hóa lớp học an toàn, phản hồi tích cực, ghi nhận tiến bộ, xem sai sót như một phần của quá trình học tập.
Thuộc về cộng đồng học tập	Sinh viên cảm thấy mình là một phần của lớp học hoặc nhóm học tập cùng chia sẻ mục tiêu.	Có trách nhiệm với nhóm, tham gia hoạt động chung, chia sẻ mục tiêu và ý nghĩa học tập.	Quy tắc lớp học rõ ràng, mục tiêu học tập chung, hoạt động hợp tác và cơ chế phản tư tập thể.

(Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp trên cơ sở Goodenow (1993), Hurtado và Carter (1997), Thomas (2012), Strayhorn (2019), Ahn và Davis (2020), Kahu và Nelson (2018)).

Bảng 1 cho thấy, cảm giác thuộc về trong lớp học đại học không phải là một cảm xúc đơn lẻ, mà là một cấu trúc đa bình diện được hình thành trong quan hệ giữa sinh viên với nhiệm vụ học tập, giảng viên, bạn học và cộng đồng lớp học. Bốn bình diện này có quan hệ chặt chẽ với nhau. Khi cảm giác thuộc về học thuật suy yếu, sinh viên dễ im lặng thụ động, ngại phát biểu và chỉ học để hoàn thành yêu cầu tối thiểu. Khi cảm giác thuộc về quan hệ và cảm xúc không được bảo đảm, sinh viên có thể xa cách với lớp học, sợ bị đánh giá, né tránh thử nghiệm và giảm hứng thú học tập. Khi cảm giác thuộc về cộng đồng học tập chưa được hình thành, việc học dễ trở thành hoạt động cá nhân rời rạc, thiếu trách nhiệm với nhóm và ít gắn bó với lớp học. Do đó, xây dựng cảm giác thuộc về cần được xem là một định hướng sư phạm nhằm nâng cao chất lượng trải nghiệm học tập, chứ không chỉ là biện pháp tạo bầu không khí thân thiện trong lớp học.

3.3. Cảm giác thuộc về như một điều kiện của trải nghiệm học tập có chất lượng

Chất lượng trải nghiệm học tập trong giáo dục đại học không nên được hiểu đơn thuần như mức độ hài lòng của sinh viên đối với môn học, giảng viên hoặc điều kiện học tập. Trải nghiệm học tập có chất lượng là quá trình trong đó sinh viên được tham gia vào nhiệm vụ có ý nghĩa, được trao đổi học thuật, được hỗ trợ, được phản hồi và có cơ hội kiến tạo ý nghĩa từ việc học. Theo Biggs và Tang (2011), chất lượng học tập phụ thuộc vào sự liên kết giữa mục tiêu, hoạt động học tập và đánh giá; Ramsden (2003) nhấn mạnh vai trò của bối cảnh dạy học đối với cách sinh viên tiếp cận việc học. Từ góc nhìn gắn kết học tập, chất lượng trải nghiệm học tập còn gắn với mức độ sinh viên được kết nối với hoạt động học thuật, môi trường học tập và các nguồn lực hỗ trợ (Kahu & Nelson, 2018). Vì vậy, việc nâng cao chất lượng trải nghiệm học tập sẽ khó đạt hiệu quả nếu bỏ qua cảm nhận tâm lí - xã hội của sinh viên.

Cảm giác thuộc về có thể được xem là điều kiện tâm lí - xã hội của trải nghiệm học tập có chất lượng vì nó tạo điều kiện để sinh viên tham gia học tập một cách chủ động và có ý nghĩa. Các nghiên cứu trong giáo dục đại học cho thấy cảm giác thuộc về có liên quan đến sự tham gia, duy trì học tập, sức khỏe tinh thần và thành công học tập của sinh viên (Goodenow, 1993; Thomas, 2012; Strayhorn, 2019; Ahn & Davis, 2020; Allen và cộng sự, 2024). Sinh viên có thể hiện diện trong lớp, hoàn thành nhiệm vụ hoặc tham gia các hoạt động trên nền tảng học tập số nhưng vẫn chưa thật sự tham gia nếu cảm thấy xa lạ, không được lắng nghe hoặc không có vị trí trong cộng đồng lớp học. Ngược lại, khi cảm thấy được chấp nhận, tôn trọng, kết nối và hỗ trợ, sinh viên có cơ sở tâm lí để nêu câu hỏi, trình bày ý kiến, tìm kiếm

trợ giúp, hợp tác với bạn học và sử dụng phản hồi để cải thiện. Theo nghĩa này, cảm giác thuộc về không thay thế các điều kiện sư phạm khác, nhưng giúp sinh viên tham gia tích cực hơn vào nhiệm vụ học tập, hoạt động tương tác, quá trình phản hồi và đánh giá (Thomas, 2012; Strayhorn, 2019; Kahu & Nelson, 2018).

Vai trò của cảm giác thuộc về đối với trải nghiệm học tập có chất lượng có thể được lí giải qua ba cơ chế liên kết với nhau: An toàn tâm lí, sự ghi nhận trong hoạt động học thuật và sự gắn kết với cộng đồng lớp học. An toàn tâm lí giúp sinh viên giảm lo sợ bị đánh giá tiêu cực, dám đặt câu hỏi và chấp nhận sai sót như một phần của quá trình học tập. Sự ghi nhận trong hoạt động học thuật giúp sinh viên nhận thấy năng lực, ý kiến và sự đóng góp của mình được giảng viên và bạn học ghi nhận. Sự gắn kết với cộng đồng lớp học giúp sinh viên nhận thấy việc học không phải là hoạt động riêng lẻ, mà là quá trình cùng tham gia, chia sẻ mục tiêu và xây dựng hiểu biết với giảng viên và bạn học. Ba cơ chế này cho thấy, cảm giác thuộc về không chỉ là cảm xúc tích cực, mà là điều kiện giúp sinh viên tham gia học tập một cách an toàn, có ý nghĩa và bền vững hơn.

Trong học tập kết hợp và lớp học số, cảm giác thuộc về càng cần được chú ý vì sự hiện diện trên nền tảng học tập không đồng nghĩa với sự tham gia có ý nghĩa. Nếu thiếu tương tác, phản hồi và cảm giác kết nối với cộng đồng, sinh viên có thể hoàn thành nhiệm vụ trực tuyến nhưng vẫn trải nghiệm việc học như một hoạt động rời rạc. Do đó, trong lớp học kết hợp, cảm giác thuộc về góp phần kết nối các hoạt động trực tiếp và trực tuyến thành một quá trình học tập thống nhất (Garrison và cộng sự, 2000; Peacock & Cowan, 2019; Nguyễn Ngọc Hiền & Nguyễn Thị Hạnh Uyên, 2022).

3.4. Hàm ý sư phạm nhằm nuôi dưỡng cảm giác thuộc về trong lớp học đại học

Từ các phân tích trên có thể thấy, cảm giác thuộc về trong lớp học đại học không tự nhiên hình thành trong mọi lớp học mà cần được nuôi dưỡng thông qua cách tổ chức dạy học và xây dựng môi trường lớp học (Thomas, 2012; Strayhorn, 2019; Kahu & Nelson, 2018). Do đó, các biện pháp sư phạm cần đồng thời tác động đến các bình diện học thuật, quan hệ, cảm xúc, cộng đồng học tập và sự kết nối trong môi trường số.

Thứ nhất, ở bình diện học thuật, giảng viên cần thiết kế nhiệm vụ học tập có mục tiêu rõ ràng, tiêu chí đánh giá minh bạch và tạo cơ hội để sinh viên tham gia vào các hoạt động học thuật có ý nghĩa (Biggs & Tang, 2011; Ramsden, 2003; Kahu & Nelson, 2018). Khi được đặt câu hỏi, trình bày quan điểm, thử nghiệm cách hiểu và nhận phản hồi để cải thiện, sinh viên có điều kiện nhận thấy năng lực và sự đóng góp của mình được ghi nhận trong lớp học.

Thứ hai, ở bình diện quan hệ, cần chú trọng chất lượng tương tác giữa giảng viên với sinh viên và giữa các sinh viên với nhau (Goodenow, 1993; Thomas, 2012; Strayhorn, 2019). Quan hệ sư phạm tích cực không làm giảm yêu cầu học thuật, mà giúp sinh viên cảm thấy được tôn trọng, được lắng nghe và được hỗ trợ. Các hoạt động thảo luận, học tập hợp tác và phản hồi đồng đẳng cần có vai trò, mục tiêu và tiêu chí rõ ràng để mọi sinh viên đều có cơ hội tham gia, hạn chế tình trạng một số sinh viên bị đứng ngoài các hoạt động chung của lớp.

Thứ ba, ở bình diện cảm xúc, lớp học cần bảo đảm sự an toàn tâm lí cho người học (Goodenow, 1993; Ahn & Davis, 2020; Allen và cộng sự, 2024). Giảng viên cần xây dựng văn hóa lớp học trong đó sai sót được xem là cơ hội học tập, sử dụng phản hồi theo hướng phát triển và ghi nhận nỗ lực của sinh viên. An toàn tâm lí không làm giảm chuẩn mực học thuật, mà tạo điều kiện để sinh viên dám tham gia vào các nhiệm vụ học tập có mức độ thử thách cao hơn.

Thứ tư, ở bình diện cộng đồng học tập, lớp học cần được tổ chức như một không gian trong đó giảng viên và sinh viên cùng tham gia, chia sẻ trách nhiệm và xây dựng hiểu biết (Thomas, 2012; Strayhorn, 2019; Ahn & Davis, 2020). Điều này đòi hỏi giảng viên thiết lập mục tiêu chung, quy tắc hợp tác và cơ chế chia sẻ trách nhiệm, qua đó giúp sinh viên nhận thấy mình là một thành viên có vai trò trong nhóm học tập hoặc cộng đồng lớp học.

Thứ năm, trong lớp học số và lớp học kết hợp, công nghệ cần được sử dụng để duy trì tương tác và tăng cường sự kết nối, không chỉ để truyền tải học liệu hoặc giao nhiệm vụ (Garrison và cộng sự, 2000; Peacock & Cowan, 2019; Nguyễn Ngọc Hiền & Nguyễn Thị Hạnh Uyên, 2022). Các diễn đàn thảo luận, phản hồi trực tuyến, nhóm học tập nhỏ và sản phẩm học tập số chỉ có ý nghĩa khi được thiết kế nhằm tạo cơ hội để sinh viên trao đổi, hỗ trợ lẫn nhau và nhận được phản hồi thường xuyên từ giảng viên.

Như vậy, nuôi dưỡng cảm giác thuộc về là một bộ phận của thiết kế sư phạm nhằm nâng cao chất lượng trải nghiệm học tập. Điều này được thể hiện khi sinh viên có vị trí trong hoạt động học thuật, nhận được

 https://doi.org/10.15625/2615-8957/1261003

sự hỗ trợ, cảm thấy an toàn về tâm lí và tham gia có trách nhiệm vào cộng đồng học tập.

4. Kết luận

Bài viết đã làm rõ cảm giác thuộc về trong lớp học đại học như một điều kiện tâm lí - xã hội của trải nghiệm học tập có chất lượng. Kết quả phân tích cho thấy, cảm giác thuộc về không chỉ là trạng thái cảm xúc cá nhân hay chỉ báo hòa nhập học thuật - xã hội, mà là cảm nhận của sinh viên về việc được chấp nhận, tôn trọng, kết nối, hỗ trợ và có vị trí có ý nghĩa trong cộng đồng lớp học. Trên cơ sở tổng hợp lí luận, bài viết xác định bốn bình diện của cảm giác thuộc về trong lớp học đại học, gồm thuộc về học thuật, thuộc về quan hệ, thuộc về cảm xúc và thuộc về cộng đồng học tập. Về mặt lí luận, bài viết góp phần tái định vị cảm giác thuộc về ở cấp độ lớp học đại học, phân biệt khái niệm này với sự hài lòng, kết nối xã hội và gắn kết học tập. Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu gợi mở việc tổ chức lớp học đại học như một cộng đồng học tập có tính kết nối, hỗ trợ và thừa nhận nhằm thúc đẩy sự tham gia học tập có ý nghĩa của sinh viên.

Do được thực hiện theo hướng nghiên cứu lí luận, bài viết chưa kiểm chứng các luận điểm bằng dữ liệu thực nghiệm trong lớp học đại học cụ thể. Các nghiên cứu tiếp theo có thể phát triển thang đo cảm giác thuộc về trong lớp học đại học, khảo sát cảm nhận của sinh viên ở các ngành học và loại hình lớp học khác nhau, đồng thời kiểm định mối quan hệ giữa cảm giác thuộc về với gắn kết học tập, kết quả học tập, sức khỏe tinh thần và ý định duy trì học tập. Các nghiên cứu can thiệp sư phạm trong lớp học tín chỉ, lớp học kết hợp hoặc lớp học số cũng cần được triển khai để đánh giá hiệu quả của các biện pháp xây dựng cảm giác thuộc về đối với chất lượng trải nghiệm học tập của sinh viên.

Tài liệu tham khảo

Ahn, M. Y. & Davis, H. H. (2020). Four domains of students' sense of belonging to university. *Studies in Higher Education*, *45*(3), pp.622–634. https://doi.org/10.1080/03075079.2018.1564902.

Allen, K. A., Slaten, C., Hong, S., Lan, M., Craig, H., May, F. & Counted, V. (2024). Belonging in higher education: A twenty year systematic review. *Journal of University Teaching and Learning Practice*, *21*(5). https://doi.org/10.53761/s2he6n66.

Baumeister, R. F. & Leary, M. R. (1995). The need to belong: Desire for interpersonal attachments as a fundamental human motivation. *Psychological Bulletin*, *117*(3), pp.497–529. https://doi.org/10.1037/0033-2909.117.3.497.

Biggs, J. & Tang, C. (2011). *Teaching for quality learning at university: What the student does* (4th ed.). Open University Press.

Dias-Broens, A. S., Meeuwisse, M. & Severiens, S. E. (2024). The definition and measurement of sense of belonging in higher education: A systematic literature review with a special focus on students' ethnicity and generation status in higher education. *Educational Research Review*, 45, Article 100622. https://doi.org/10.1016/j.edurev.2024.100622.

Garrison, D. R., Anderson, T. & Archer, W. (2000). Critical inquiry in a text-based environment: Computer conferencing in higher education. *The Internet and Higher Education*, *2*(2–3), pp.87–105. https://doi.org/10.1016/S1096-7516(00)00016-6.

Gilani, D. & Thomas, L. (2025). Understanding the factors and consequences of student belonging in higher education: A critical literature review. *Journal of Learning Development in Higher Education*, (34). https://doi.org/10.47408/jldhe.vi34.1385.

Goodenow, C. (1993). The psychological sense of school membership among adolescents: Scale development and educational correlates. *Psychology in the Schools*, *30*(1), pp.79–90. https://doi.org/10.1002/1520-6807(199301)30:1%3C79::AID-PITS2310300113%3E3.0.CO;2-X.

Hoàng Thị Mỹ Nga & Nguyễn Tuấn Kiệt. (2016). Phân tích các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên kinh tế Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, 46, tr.107–115. https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2016.575.

Hoàng Trung Học, Nguyễn Thị Thùy Dung, Nguyễn Hiếu Văn, Nguyễn Phương Thảo, Nguyễn Thanh Trúc & Vũ Trần Tiểu Bình. (2025). Nghiên cứu mối liên hệ giữa kết nối xã hội và hiệu suất học tập ở sinh viên đại học. *Tạp chí Giáo dục*, *25*(7), tr.41–46. https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/3118

Hurtado, S. & Carter, D. F. (1997). Effects of college transition and perceptions of the campus racial climate on Latino college students' sense of belonging. *Sociology of Education*, *70*(4), pp.324–345. https://doi.org/10.2307/2673270.

Kahu, E. R. & Nelson, K. (2018). Student engagement in the educational interface: Understanding the mechanisms of student success. *Higher Education Research & Development*, *37*(1), pp.58–71. https://doi.org/10.1080/07294360.2017.1344197.

Nguyễn Ngọc Hiền & Nguyễn Thị Hạnh Uyên. (2022). Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tiếp tục học trực tuyến của sinh viên các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*,

58(4), tr.54-67. https://doi.org/10.46242/jstiuh.v58i04.4497.

Nguyễn Thị Nguyệt Minh & Vũ Xuân Trường. (2025). Ảnh hưởng của môi trường lớp học đến mức độ sẵn sàng giao tiếp của sinh viên Việt Nam học tiếng Anh như một ngoại ngữ dưới góc nhìn của sinh viên. *Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ*, (80), tr.65–81. https://doi.org/10.56844/tckhnn.80.863.

Nguyễn Vũ Trâm Anh, Bùi Thị Cẩm Tú, Thái Thủy Tiên & Đặng Thị Thúy An. (2025). Các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ học tập của sinh viên: Một nghiên cứu tại Phân hiệu Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tại Vĩnh Long. *Tạp chí Giáo dục*, *25*(19), tr.53–58. https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/4162.

Peacock, S. & Cowan, J. (2019). Promoting sense of belonging in online learning communities of inquiry in accredited courses. *Online Learning*, *23*(2), pp.67–81. https://doi.org/10.24059/olj.v23i2.1488.

Phạm Thị Huyền, Nguyễn Thị Ngọc Ánh, Lưu Trần Minh Tâm & Phạm Ngọc Minh. (2025). Factors influencing university students' satisfaction and intention to value co-creation: A study in Hanoi. *VNU Journal of Science: Education Research*, *41*(2), tr.62–77. https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.5034.

Ramsden, P. (2003). *Learning to teach in higher education* (2nd ed.). RoutledgeFalmer.

Rodgers, B. L. (2000). Concept analysis: An evolutionary view. In B. L. Rodgers & K. A. Knafl (Eds.), *Concept development in nursing: Foundations, techniques, and applications* (2nd ed.), pp.77–102. Saunders.

Snyder, H. (2019). Literature review as a research methodology: An overview and guidelines. *Journal of Business Research*, 104, pp.333–339. https://doi.org/10.1016/j.jbusres.2019.07.039.

Strayhorn, T. L. (2019). *College students' sense of belonging: A key to educational success for all students* (2nd ed.). Routledge.

Thomas, L. (2012). *Building student engagement and belonging in higher education at a time of change: Final report from the What Works? Student Retention & Success programme*. Paul Hamlyn Foundation.

Tinto, V. (1975). Dropout from higher education: A theoretical synthesis of recent research. *Review of Educational Research*, *45*(1), pp.89-125. https://doi.org/10.3102/00346543045001089.

Torraco, R. J. (2005). Writing integrative literature reviews: Guidelines and examples. *Human Resource Development Review*, *4*(3), pp.356–367. https://doi.org/10.1177/1534484305278283.

Walker, L. O. & Avant, K. C. (2019). *Strategies for theory construction in nursing* (6th ed.). Pearson.

 https://doi.org/10.15625/2615-8957/1261003